BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM

Thi kết thúc học phần
Học kỳ 2 năm học 2020 - 2021

Môn học: Kiểm soát chất lượng bằng phương pháp thống kê (010100222201) - Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 07/7/2021 **Tiết BĐ: 8** **Phòng thi: Online10**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2022190010	~~Nguyễn Khánh~~	~~An~~	02/09/2001	10DHDB2						Thi vấn đáp
2	2022190018	Đinh Thành	Bảo	04/02/2001	10DHDB1				**7.0**	Bảy	
3	2022170203	PHAN LẠC	BÌNH	04/07/1999	08DHDB1				**7.0**	Bảy	
4	2022190024	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	24/09/2001	10DHDB2				**8.8**	Tám phẩy tám mươi	
5	2022190507	Nguyễn Thành	Công	19/11/2001	10DHDB2				**7.8**	Bảy phẩy tám mươi	
6	2022190212	Huỳnh Cẩm	Đoan	22/03/2001	10DHDB1				**7.0**	Bảy	
7	2022190213	Lê Quang Thùy	Dung	20/05/2001	10DHDB2				**6.0**	Sáu	
8	2022190032	Ngô Thị Cẩm	Giang	01/01/2001	10DHDB2				**8.8**	Tám phẩy tám mươi	
9	2022190034	Nguyễn Quốc	Hải	24/07/1999	10DHDB2				**8.5**	Tám phẩy năm mươi	
10	2022190036	Hứa Thị Ngọc	Hân	14/09/2001	10DHDB1				**8.8**	Tám phẩy tám mươi	
11	2022190221	Nguyễn Ngọc	Hân	22/03/2001	10DHDB1				**9.3**	Chín phẩy ba mươi	
12	2022190225	Nguyễn Thanh	Hiếu	09/11/2001	10DHDB1				**9.0**	Chín	
13	2022190226	Nguyễn Trung	Hiếu	30/11/2001	10DHDB1				**9.0**	Chín	
14	2022190227	Phạm Lê Minh	Hiếu	23/07/2001	10DHDB2				**7.0**	Bảy	
15	2022190042	Nguyễn Văn	Hóa	30/05/2000	10DHDB1				**7.0**	Bảy	
16	2022190046	Lê Thị Hồng	Huế	02/11/2001	10DHDB1				**6.5**	Sáu phẩy năm mươi	
17	2022190048	Đinh Thanh Kim	Huệ	28/06/2001	10DHDB2				**8.3**	Tám phẩy ba mươi	
18	2022190047	Hồ Tiểu	Huệ	05/04/2001	10DHDB2				**7.5**	Bảy phẩy năm mươi	
19	2022190050	Trương Huỳnh	Hương	24/01/2001	10DHDB1				**5.5**	Năm phẩy năm mươi	
20	2022190232	Trần Lê	Huy	24/06/2001	10DHDB1				**8.3**	Tám phẩy ba mươi	
21	2022190053	Hoàng Quốc	Khánh	30/08/2001	10DHDB1				**8.0**	Tám	
22	2022190054	Trần Gia	Khiêm	19/09/2000	10DHDB1				**5.5**	Năm phẩy năm mươi	
23	2022190236	Dương Bá	Khôi	02/02/2001	10DHDB2				**6.5**	Sáu phẩy năm mươi	

In ngày 07/7/2021

Số SV trong DS:	**23**	Số bài thi:	**22** bài
Số SV có mặt:	**23**		
Số SV vắng mặt:	**0**	Số trang giấy thi:	**66** trang

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	Cán bộ coi thi 3	Cán bộ coi thi 4
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*
Hoàng Thị Ngọc Nhơn	**Nguyễn Thị Kim Oanh**	**Trần Quyết Thắng**	

Trưởng Khoa/Bộ môn	Cán bộ chấm thi 1	Cán bộ chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*
	Mạc Xuân Hòa	**Trần Thị Hồng Cẩm**

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM

Thi kết thúc học phần
Học kỳ 2 năm học 2020 - 2021

Môn học: Kiểm soát chất lượng bằng phương pháp thống kê (010100222201) - Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 07/07/2021 **Tiết BĐ: 8** **Phòng thi: online11**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2022190240	Phạm Trí Bình	Lâm	13/06/2001	10DHDB1				**9.3**	Chín ba	
2	2022190243	Nguyễn Phạm Mỹ	Linh	29/10/2001	10DHDB1				**7.0**	Bảy không	
3	2022190061	Nguyễn Phương	Linh	27/03/2001	10DHDB2				**8.3**	Tám ba	
4	2022190245	Đàm Thị	Lợi	05/01/2001	10DHDB2				**7.5**	Bảy năm	
5	2022190067	Võ Thúy	Muội	08/02/2001	10DHDB2				**9.3**	Chín ba	
6	2022190250	Lê Đức	Nam	10/10/2001	10DHDB2				**8.3**	Tám ba	
7	2022190519	Nguyễn Thúy	Nga	25/07/2001	10DHDB2				**8.5**	Tám năm	
8	2022190077	Hồ Phạm Ngọc Bảo	Nghi	11/01/2001	10DHDB1				**5.0**	Năm không	
9	2022190080	Trần Nguyễn Như	Ngọc	19/08/2001	10DHDB2				**8.3**	Tám ba	
10	2022190509	Vũ Thị	Ngọc	12/03/2001	10DHDB2				**8.8**	Tám tám	
11	2022181044	Đinh Ngọc Tâm	Nhân	24/11/2000	09DHDB1				**8.8**	Tám tám	
12	2022190515	Lê Tuấn	Nhật	13/02/2001	10DHDB1				**5.5**	Năm năm	
13	2022190091	Đỗ Thị Ý	Nhi	12/04/2001	10DHDB1				**8.8**	Tám tám	
14	2022190262	Hoàng Trần Tuyết	Nhi	04/08/2001	10DHDB1				**8.8**	Tám tám	
15	2022190264	Nguyễn Ngọc Trúc	Nhi	08/03/2001	10DHDB1				**4.0**	Bốn không	
16	2022190086	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	26/08/2001	10DHDB1				**7.8**	Bảy tám	
~~17~~	~~2022180145~~	~~Vũ Nguyễn Phương~~	~~Nhi~~	31/10/2000	09DHDB2						Vắng thi
18	2022190266	Trần Đặng Lan	Như	23/06/2001	10DHDB2				**8.3**	Tám ba	
19	2022190268	Lê Thị Hồng	Nhung	20/10/2001	10DHDB2				**6.8**	Sáu tám	
20	2022190096	Nguyễn Thị	Nỡ	11/06/2001	10DHDB2				**9.0**	Chín không	
21	2022170404	TRẦN HỮU	PHƯỚC	18/10/1999	08DHDB2				**8.0**	Tám không	
22	2022190271	Nguyễn Thị Thu	Phương	14/09/2001	10DHDB1				**9.0**	Chín không	
23	2022190098	Phan Thanh	Phương	22/02/2001	10DHDB1				**8.5**	Tám năm	

In ngày 07/7/2021

Số SV trong DS:	**23**	Số bài thi:	**22** bài
Số SV có mặt:	**22**		
Số SV vắng mặt:	**1**	Số tờ giấy thi:	tờ

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	Cán bộ coi thi 3	Cán bộ coi thi 4
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*

Đỗ Mai Nguyên Phương **Hoàng Thị Trúc Quỳnh** **Hà Thị Thanh Nga**

Trưởng Khoa/Bộ môn	Cán bộ chấm thi 1	Cán bộ chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*

Môn học: Kiểm soát chất lượng bằng phương pháp thống kê (010100222201) - Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 07/07/2021 **Tiết BĐ: 8** **Phòng thi: online11**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú

Trần Thị Hồng Cẩm ***Mạc Xuân Hòa***

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM

Thi kết thúc học phần
Học kỳ 2 năm học 2020 - 2021

Môn học: Kiểm soát chất lượng bằng phương pháp thống kê (010100222201) - Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 07/07/2021 **Tiết BĐ: 8** **Phòng thi: online12**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2022190100	Vũ Lan	Phương	07/10/2001	10DHDB2				9.3	Chín ba	
~~2~~	~~2022190513~~	~~Hứa Hiền~~	~~Quang~~	~~07/08/2001~~	~~10DHDB1~~						
3	2022190273	Lê Chí	Quang	02/09/2001	10DHDB1				7.3	Bảy ba	
4	2022160094	NGUYỄN VÕ THÀNH	QUỐC	12/11/1998	07DHDB1				9.5	Chín năm	
5	2022190106	Hoàng Bá	Quyền	02/12/2001	10DHDB1				8.5	Tám năm	
6	2022190275	Cao Thanh	Sang	14/11/2001	10DHDB2				8.5	Tám năm	
7	2022190277	Nguyễn Minh	Tâm	03/11/2001	10DHDB1				7.0	Bảy không	
8	2022190278	Võ Thị Minh	Tâm	01/02/2001	10DHDB1				9.5	Chín năm	
9	2022190511	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	12/05/2001	10DHDB2						Thi vấn đáp
10	2022190113	Nguyễn Tấn	Thắng	16/08/2001	10DHDB1				8.5	Tám năm	
11	2022190518	Nguyễn Chí	Thanh	23/07/2001	10DHDB2				9.5	Chín năm	
12	2022190281	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	01/06/2001	10DHDB1				7.8	Bảy tám	
13	2022190116	Ngô Thị Phương	Thảo	30/05/2001	10DHDB2				7.3	Bảy ba	
14	2022177454	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	04/09/1999	08DHDB2				6.0	Sáu không	
15	2022190517	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	80/60/2001	10DHDB2				9.5	Chín năm	
16	2022190119	Vương Thị Thanh	Thảo	27/09/2001	10DHDB1				9.5	Chín năm	
17	2022190121	Văn Thị Ngọc	Thi	06/08/2001	10DHDB1				8.8	Tám tám	
18	2022181064	Trần Châu Đăng	Thìn	02/02/2000	09DHDB2				6.0	Sáu không	
19	2022190288	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/01/2001	10DHDB2				8.3	Tám ba	
20	2022190125	Phạm Thị Minh	Thu	06/12/2001	10DHDB1						Thi vấn đáp
21	2022190486	Trần Bùi Hà	Thu	09/07/2001	10DHDB2				9.3	Chín ba	
22	2022190290	Đặng Nguyễn Anh	Thư	20/10/2001	10DHDB1				7.5	Bảy năm	
23	2022190293	Phạm Thị Anh	Thư	18/11/2001	10DHDB1				7.3	Bảy ba	

In ngày 07/7/2021

Số SV trong DS:	**23**
Số SV có mặt:	**22**
Số SV vắng mặt:	**1**

Số bài thi: **20** bài

Số tờ giấy thi: tờ

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	Cán bộ coi thi 3	Cán bộ coi thi 4
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*
Đặng Thị Yến	**Ngô Duy Anh Triết**	**Mạc Xuân Hòa**	

Trưởng Khoa/Bộ môn	Cán bộ chấm thi 1	Cán bộ chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*
	Trần Thị Hồng Cẩm	**Mạc Xuân Hòa**

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM

Thi kết thúc học phần
Học kỳ 2 năm học 2020 - 2021

Môn học: Kiểm soát chất lượng bằng phương pháp thống kê (010100222201) - Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 07/7/2021 **Tiết BĐ: 8** **Phòng thi: Online13**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2022190510	Đặng Thị Anh	Thùy	09/03/2001	10DHDB1				**8.0**	Tám	
2	2022190296	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	28/09/2001	10DHDB2				**8.8**	Tám phẩy tám mươi	
3	2022190136	Nguyễn Châu	Tiến	23/10/2001	10DHDB1						Thi vấn đáp
4	2022190297	Lý Trung	Toàn	08/11/2001	10DHDB1				**0.0**	Không	Vắng thi
5	2022190298	Võ Thanh	Toàn	12/07/2001	10DHDB1				**0.0**	Không	Vắng thi
6	2022190299	Võ Thị Bích	Trâm	29/05/2001	10DHDB1				**9.5**	Chín phẩy năm mươi	
7	2022190302	Bùi Thị Thùy	Trang	01/12/2001	10DHDB1				**8.0**	Tám	
8	2022181077	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	09/06/2000	09DHDB1				**8.0**	Tám	
9	2022177405	NGUYỄN THIÊN	TRANG	10/06/1999	08DHDB2				**8.5**	Tám phẩy năm mươi	
10	2022190304	Nguyễn Trần Diệu	Trinh	03/04/2001	10DHDB1				**8.8**	Tám phẩy tám mươi	
11	2022190504	Võ Phi	Trường	22/06/2001	10DHDB2				**6.5**	Sáu phẩy năm mươi	
12	2022190305	Đỗ Quốc	Tuấn	27/11/2001	10DHDB2				**9.0**	Chín	
13	2022190150	Lê Công	Tuấn	28/06/2000	10DHDB2				**9.0**	Chín	
14	2022190306	Nguyễn Minh	Tuấn	02/01/2001	10DHDB2				**9.3**	Chín phẩy ba mươi	
15	2022193002	Lê Ngọc Phương	Uyên	13/06/2001	10DHDB2				**6.0**	Sáu	
16	2022190159	Nguyễn Trúc	Vi	29/12/2001	10DHDB2				**6.0**	Sáu	
17	2022190311	Yên Thị Hồng	Viện	26/12/2001	10DHDB2				**8.8**	Tám phẩy tám mươi	
18	2022190503	Nguyễn Đặng Thanh Thảo	Vy	07/02/2001	10DHDB2				**5.5**	Năm phẩy năm mươi	
19	2022190314	Nguyễn Trần Lan	Vy	24/10/2001	10DHDB2				**7.5**	Bảy phẩy năm mươi	
20	2022190315	Nguyễn Danh Thoại	Vỹ	01/10/2001	10DHDB2				**7.5**	Bảy phẩy năm mươi	
21	2022190317	Ngô Thị Tuyết	Xuân	15/03/2001	10DHDB2						Thi vấn đáp
22	2022190318	Nguyễn Thị Úc	Xuân	26/12/2001	10DHDB2				**7.3**	Bảy phẩy ba mươi	

In ngày 07/7/2021

Số SV trong DS:	**22**	Số bài thi:	**20** bài
Số SV có mặt:	**20**		
Số SV vắng mặt:	**2**	Số trang giấy thi:	**60** trang

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	Cán bộ coi thi 3	Cán bộ coi thi 4
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*
Nguyên Phan Khánh Hòa	**Liêu Mỹ Đông**	**Nguyễn Thị Ngọc Thúy**	

Trưởng Khoa/Bộ môn	Cán bộ chấm thi 1	Cán bộ chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên)*
	Mạc Xuân Hòa	**Trần Thị Hồng Cẩm**